

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC Y HỌC THỂ DỤC THỂ THAO Ở VIỆT NAM: TIẾP CẬN TỪ KHẢO SÁT THỰC TIỄN

ASSESSMENT OF THE CURRENT STATUS OF SPORT MEDICINE HUMAN
RESOURCES IN VIETNAM: A PRACTICAL SURVEY-BASED APPROACH

TÓM TẮT: Bài báo trình bày kết quả khảo sát thực tiễn tại 43 đơn vị nhằm đánh giá thực trạng nguồn nhân lực Y học Thể dục Thể thao (TDTT) ở Việt Nam. Kết quả cho thấy đội ngũ nhân sự còn thiếu về số lượng, không đồng đều về trình độ chuyên môn và chuyên ngành đào tạo. Tỷ lệ nhân sự được đào tạo đúng chuyên ngành Y học TDTT còn thấp, trong khi phần lớn các đơn vị chưa duy trì đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Đa số nhân sự làm việc kiêm nhiệm, chưa chuyên sâu. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng chăm sóc, phục hồi chấn thương và hỗ trợ vận động viên. Nghiên cứu khẳng định sự cần thiết của việc đầu tư đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyên biệt nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nâng cao hiệu quả hoạt động Y học TDTT tại Việt Nam.

TỪ KHÓA: Nguồn nhân lực, Y học thể dục thể thao, Thực trạng, Khảo sát thực tiễn.

ABSTRACT: This article presents a practical survey conducted across 43 organizations to assess the current status of Sports Medicine human resources in Vietnam. Findings reveal a shortage in personnel, inconsistent professional qualifications, and low rates of specialization in Sports Medicine. Most institutions lack regular training and professional development programs, and a majority of staff work in multiple roles without specialized focus. These limitations negatively impact athlete care, injury recovery, and performance support. The study highlights the urgent need for targeted investment in training and development of specialized human resources to meet practical demands and enhance the effectiveness of Sports Medicine practices in Vietnam.

KEYWORDS: Human resources, Sport medicine, Current status, Practical survey.

NGUYỄN THỊ MỸ LINH
VÕ QUỐC THẮNG
LÊ THỊ MỸ HẠNH
NGUYỄN THANH TÚ
PHẠM THỂ HOẠT

*Trường Đại học Thể dục thể thao
Thành phố Hồ Chí Minh*

NGUYEN THI MY LINH
VO QUOC THANG
LE THI MY HANH
NGUYEN THANH TU
PHAM THE HOAT

University of Sport Ho Chi Minh City

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Y học Thể dục Thể thao (Y học TDTT) là lĩnh vực đóng vai trò then chốt trong việc chăm sóc, phòng ngừa và phục hồi sức khỏe cho vận động viên và người tham gia tập luyện thể thao. Trong bối cảnh thể thao ngày càng chuyên nghiệp hóa và yêu cầu cao về thành tích, nhu cầu về nguồn nhân lực Y học TDTT không chỉ tăng về số lượng mà còn đòi hỏi chất lượng chuyên môn cao, được đào tạo bài bản và có khả năng ứng dụng kiến thức y học vào

thực tiễn thể thao.

Tuy nhiên, tại Việt Nam, lĩnh vực Y học TDTT vẫn chưa được đầu tư phát triển tương xứng với vai trò và tiềm năng của nó. Thực tế cho thấy đội ngũ nhân lực hoạt động trong Y học TDTT còn thiếu về số lượng, không đồng đều về trình độ chuyên môn, và chưa được đào tạo chuyên sâu theo đúng định hướng ngành nghề. Nhiều cơ sở thể thao chưa có bộ phận chuyên biệt về Y học TDTT hoặc sử dụng nhân lực kiêm nhiệm, dẫn đến hiệu quả hỗ trợ



y tế và phục hồi chức năng cho vận động viên chưa cao.

Trong bối cảnh đó, việc đánh giá thực trạng nguồn nhân lực Y học TDTT tại Việt Nam là yêu cầu cấp thiết nhằm nhận diện rõ các tồn tại, hạn chế, cũng như đề xuất giải pháp phát triển đội ngũ nhân lực một cách bài bản và bền vững. Bài báo này tiếp cận từ khảo sát thực tiễn tại các đơn vị có liên quan để phân tích tổng thể về số lượng, trình độ, chuyên ngành đào tạo, mức độ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, khả năng đáp ứng công việc, và những khó khăn trong phân bổ nhân sự. Qua đó, cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực Y học TDTT phù hợp với yêu cầu thực tiễn và xu thế hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thể thao.

Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp toán học thống kê.

Khách thể nghiên cứu:

Khách thể khảo sát là 43 đơn vị liên quan đến công tác Y học TDTT tại Việt Nam.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu đã sử dụng 08 tiêu chí đã được các chuyên gia đồng ý và tiến hành khảo sát thực tiễn nhằm đánh giá nguồn nhân lực y học thể dục thể thao, kết quả như sau:

2.1. Thực trạng về số lượng nhân sự Y học TDTT tại các đơn vị tham gia khảo sát

Qua khảo sát 43 đơn vị cho thấy 20 đơn vị có số lượng nhân

BẢNG 1. THỐNG KÊ THỰC TRẠNG VỀ SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT

TT	SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ Y HỌC TDTT	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
1	< 5 người	20	46,5
2	5 - 10 người	15	34,9
3	11 - 20 người	5	11,6
4	> 20 người	3	7,0
Tổng cộng		43	100

BẢNG 2. THỐNG KÊ THỰC TRẠNG VỀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT

TT	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT	SỐ LƯỢNG	GIỚI TÍNH	
			Nam	Nữ
1	Giáo sư, Phó giáo sư	3	3	0
2	Tiến sĩ	17	14	3
3	Thạc sĩ	25	12	13
4	Bác sĩ CKI, CK2	10	5	5
5	Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân	90	60	30
6	Điều dưỡng trung cấp, Y sĩ	122	30	92
7	Điều dưỡng sơ cấp, Y tá	23	11	12
8	Khác	3	2	1
Tổng cộng		293	137	156

sự Y học TDTT dưới 05 người (chiếm tỷ lệ cao nhất 46,5%), phản ánh tình trạng thiếu hụt nhân lực trong lĩnh vực này. Các đơn vị có quy mô trung bình từ 5-10 người (15 đơn vị chiếm 34,9%) và có 11-20 người (5 đơn vị chiếm tỷ lệ 11,6%), cho thấy có một số đơn vị đang có sự đầu tư nhân sự ở mức độ nhất định. Số đơn vị có trên 20 nhân sự chiếm tỷ lệ thấp nhất (3 đơn vị chiếm 7,0%), điều này cho thấy chưa có nhiều đơn vị có đội ngũ nhân sự lớn, chuyên biệt trong Y học TDTT.

Kết quả này phản ánh thực trạng thiếu hụt nhân lực chuyên môn trong lĩnh vực Y học TDTT, đòi hỏi các đơn vị cần có chiến lược thu hút, đào tạo và phát triển nhân sự để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn.

2.2. Thực trạng về trình độ chuyên môn của nhân sự Y học TDTT tại các đơn vị tham gia khảo sát

Kết quả thống kê cho thấy lực lượng nhân sự trong lĩnh vực Y học TDTT chủ yếu tập trung vào các bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng và y sĩ, trong khi nhân sự trình độ cao như Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ còn rất hạn chế. Ngoài ra, tỷ lệ nữ giới chiếm ưu thế (53,24%), phù hợp với đặc thù trình độ chuyên môn là điều dưỡng và y tá tham gia trực tiếp vào công tác chăm sóc sức khỏe, phục hồi chấn thương cho VĐV. Riêng đối với nhân sự ngành Y học TDTT có trình độ chuyên môn là dược sĩ, cử nhân, bác sĩ, bác sĩ CKI, CK2, thạc sĩ, tiến sĩ, phó giáo sư và giáo sư thì nam giới chiếm ưu thế.

Việc nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt là tăng cường đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, sẽ là yếu tố quan trọng giúp phát triển bền vững lĩnh vực Y học TDTT trong tương lai.

2.3. Thực trạng về chuyên ngành đào tạo của đội ngũ nhân sự Y học TDTT tại các đơn vị tham gia khảo sát

Dựa trên kết quả khảo sát, đội ngũ nhân sự Y học TDTT được đào tạo từ nhiều chuyên ngành khác nhau, cụ thể như sau:

- Chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm có 88 người chuyên ngành Khoa học thể thao chiếm tỷ lệ 30,03%, thể hiện vai trò của các chuyên gia nghiên cứu và ứng dụng khoa học trong thể thao, cho thấy phần lớn nhân sự trong lĩnh vực Y học TDTT có nền tảng từ khoa học thể thao và được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về y sinh học TDTT bao gồm sinh lý học thể thao, huấn luyện phục hồi chức năng và dinh dưỡng thể thao, sau đó tiếp cận và ứng dụng vào thể thao.

- Tiếp theo là nhóm Y học tổng quát có 78 người, chiếm tỷ lệ 26,62%. Đây là nhóm nhân sự trong lĩnh vực Y học TDTT có nền tảng từ y học chung, sau đó tiếp cận và ứng dụng vào lĩnh vực thể dục thể thao.

- Nhóm lĩnh vực khác có 66 người chiếm tỷ lệ 22,53%, bao gồm các chuyên ngành liên quan như vật lý trị liệu, phục hồi chức năng, hoặc quản lý TDTT.

- Chiếm tỷ lệ thấp nhất là nhóm Y học TDTT với 61 người (20,82%), phản ánh nguồn nhân lực được đào tạo đúng

BẢNG 3. THỐNG KÊ THỰC TRẠNG VỀ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT

TT	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
1	Y học TDTT	61	20,82
2	Khoa học thể thao	88	30,03
3	Y học tổng quát	78	26,62
4	Lĩnh vực khác	66	22,53
Tổng cộng		293	100

BẢNG 4. THỐNG KÊ THỰC TRẠNG VỀ MỨC ĐỘ THAM GIA CÁC KHÓA ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC Y HỌC TDTT CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT

TT	MỨC ĐỘ THAM GIA CÁC KHÓA ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC Y HỌC TDTT CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
1	Thường xuyên	82	27,99
2	Thỉnh thoảng	123	41,98
3	Hiếm khi	54	18,43
4	Không tham gia	34	11,60
Tổng cộng		293	100

BẢNG 5. THỐNG KÊ THỰC TRẠNG VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÔNG VIỆC CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT

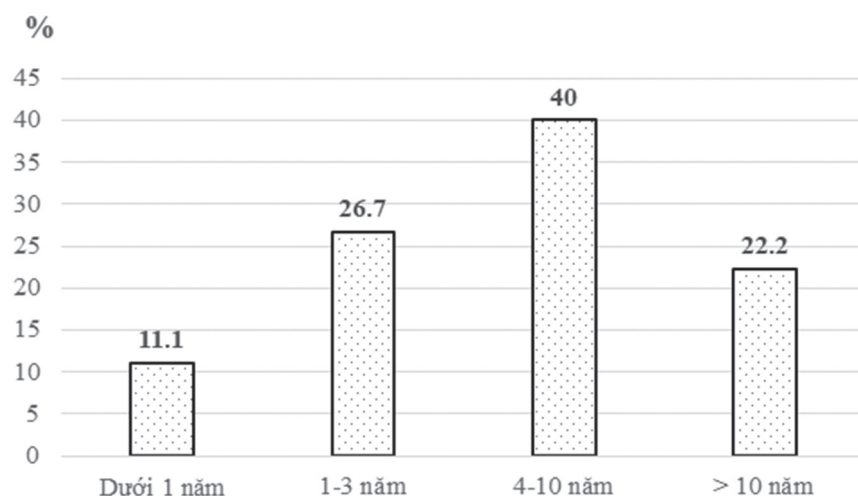
TT	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÔNG VIỆC CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
1	Rất tốt	82	27,99
2	Tốt	123	41,98
3	Đạt yêu cầu	54	18,43
4	Không đạt yêu cầu	34	11,60
Tổng cộng		293	100

chuyên ngành chưa được người học nhìn nhận đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của lĩnh vực này.

Kết quả thống kê cho thấy số lượng nhân sự Y học TDTT tại các đơn vị vẫn còn khá hạn chế. Tổng số nhân sự trong lĩnh vực này chưa cao, trong đó nhân sự có chuyên môn Y học TDTT chỉ chiếm 61 người, chưa phải là một lực lượng lớn, phản ánh thực trạng nguồn nhân lực chuyên biệt cho Y

học TDTT vẫn chưa được đầu tư mạnh mẽ. Mặc dù nhóm có chuyên ngành Y học tổng quát (78 người) chiếm tỷ lệ khá cao, nhưng đây chủ yếu là các bác sĩ đa khoa hoặc dược sĩ đang công tác trong lĩnh vực thể thao, chưa hoàn toàn tập trung vào Y học TDTT. Nhóm Khoa học thể thao chiếm tỷ lệ cao nhất (88 người) nghiên cứu và tiếp cận y học TDTT rồi ứng dụng vào thực tiễn.

- Nhìn chung, số lượng nhân



BIỂU ĐỒ 1. THỐNG KÊ VỀ THÂM NIÊN CÔNG TÁC CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC Y HỌC TDDT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT

sự có chuyên ngành liên quan đến Y học TDDT chưa nhiều, cho thấy sự cần thiết trong việc phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu hơn, nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng các chương trình chuyên biệt về Y học TDDT để đáp ứng nhu cầu thực tế. Việc bổ sung thêm đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, kết hợp giữa y học và khoa học thể thao, sẽ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho VĐV và người tập luyện thể thao

2.4. Thực trạng về mức độ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức Y học TDDT của đội ngũ nhân lực Y học TDDT tại các đơn vị tham gia khảo sát

Kết quả thống kê cho thấy phần lớn các đơn vị có tham gia đào tạo ở một mức độ nhất định, nhưng tỷ lệ đơn vị thường xuyên đào tạo vẫn còn khá thấp (27,9%), điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng chuyên môn của đội ngũ nhân lực Y học TDDT. Việc đẩy mạnh các chương trình đào tạo định kỳ, cập nhật kiến thức mới và nâng

cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân sự là rất cần thiết để đảm bảo chất lượng chăm sóc, điều trị và phục hồi chấn thương thể thao.

Bên cạnh đó, với 11,6% đơn vị hoàn toàn không tham gia đào tạo, điều này đặt ra thách thức trong việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của Y học TDDT trong công tác hỗ trợ VĐV và người tập luyện thể thao. Cần có các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đào tạo để cải thiện tình trạng này, đảm bảo nguồn nhân lực có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2.5. Thực trạng đánh giá về mức độ đáp ứng công việc của đội ngũ nhân lực Y học TDDT tại các đơn vị tham gia khảo sát

Kết quả thống kê cho thấy phần lớn đội ngũ nhân lực Y học TDDT đáp ứng được yêu cầu công việc nhưng chưa thực sự vượt trội. Trong đó, tỷ lệ nhân sự tốt và rất tốt (tổng 46,5%) vẫn còn khá thấp so với nhu cầu phát triển của lĩnh vực này.

Mặc dù số lượng đơn vị đánh giá nhân sự không đạt yêu cầu chỉ chiếm 11,6%, nhưng đây vẫn là một vấn đề cần quan tâm. Điều này có thể liên quan đến hạn chế trong đào tạo chuyên môn, thiếu kinh nghiệm thực tiễn hoặc nguồn lực nhân sự chưa đủ mạnh.

Việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực, đặc biệt là thông qua đào tạo chuyên sâu, cập nhật kiến thức mới và cải thiện kỹ năng thực hành là điều cần thiết để giúp lĩnh vực Y học TDDT phát triển vững chắc hơn.

2.6. Thực trạng thâm niên công tác của đội ngũ nhân lực Y học TDDT tại các đơn vị tham gia khảo sát

Kết quả thống kê cho thấy đa số nhân sự Y học TDDT có từ 4 - 10 năm kinh nghiệm (40,0%), phản ánh rằng phần lớn lực lượng lao động trong lĩnh vực này đã có quá trình làm việc ổn định. Tuy nhiên, tỷ lệ nhân sự có trên 10 năm kinh nghiệm (22,2%) không quá cao, cho thấy số lượng chuyên gia có thâm niên lâu năm chưa thực sự nhiều.

Mặt khác, nhóm nhân sự dưới 1 năm kinh nghiệm (11,1%) và 1 - 3 năm kinh nghiệm (26,7%) vẫn còn chiếm một tỷ lệ đáng kể, điều này có thể là dấu hiệu cho thấy lĩnh vực Y học TDDT đang thu hút nhân sự mới. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng chuyên môn, cần có các chương trình đào tạo nâng cao và hỗ trợ phát triển nghề nghiệp để giúp nhóm nhân sự trẻ tích lũy kinh nghiệm nhanh chóng, góp phần

nâng cao chất lượng dịch vụ Y học TDTT trong tương lai.

2.7. Thực trạng về phân bổ công việc của đội ngũ nhân lực Y học TDTT tại các đơn vị tham gia khảo sát

Kết quả thống kê cho thấy mô hình nhân sự đa nhiệm đang phổ biến hơn trong lĩnh vực Y học TDTT, khi có trên 60% đơn vị áp dụng hình thức này. Điều này có thể xuất phát từ thực trạng thiếu nhân sự chuyên biệt, khiến các cá nhân trong ngành phải đảm nhận nhiều vai trò khác nhau để đáp ứng nhu cầu thực tế.

Tuy nhiên, việc chuyên môn hóa nhân sự (37,2%) cũng đang được áp dụng tại một số đơn vị, cho thấy xu hướng phát triển theo hướng chuyên sâu hơn, đặc biệt trong các lĩnh vực quan trọng như phục hồi chức năng, dinh dưỡng thể thao và chẩn đoán sức khỏe VĐV.

Nhìn chung, để nâng cao chất lượng chuyên môn và hiệu quả công tác Y học TDTT, cần có chiến lược phân công nhân sự hợp lý hơn, khuyến khích đào tạo chuyên sâu và bổ sung nguồn nhân lực có chuyên môn cao, thay vì để nhân sự phải đảm nhiệm quá nhiều công việc ngoài chuyên ngành chính.

2.8. Thực trạng đánh giá về mức độ đáp ứng cầu công việc của đội ngũ nhân lực Y học TDTT tại các đơn vị tham gia khảo sát

Kết quả thống kê cho thấy đa số các đơn vị chưa có đủ nhân lực Y học TDTT, với tổng cộng 74,4% đơn vị (32/43 đơn vị) đánh giá là thiếu nhân sự ở các

BẢNG 6. THỐNG KÊ THỰC TRẠNG VỀ PHÂN BỐ CÔNG VIỆC CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT

TT	PHÂN BỐ CÔNG VIỆC CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
1	Chuyên môn sâu	16	37,2
2	Đa nhiệm	27	62,8
Tổng cộng		43	100

BẢNG 7. THỐNG KÊ THỰC TRẠNG VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP NƯU CẦU CÔNG VIỆC CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT

TT	MỨC ĐỘ ĐÁP NƯU CẦU CÔNG VIỆC CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC Y HỌC TDTT TẠI CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA KHẢO SÁT	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
1	Đáp ứng đủ	11	25,6
2	Thiếu một phần	19	44,2
3	Rất thiếu	13	30,2
Tổng cộng		43	100

mức độ khác nhau. Trong đó, tỷ lệ đơn vị thiếu nghiêm trọng (30,2%) là đáng lo ngại, phản ánh tình trạng hạn chế về nguồn nhân lực chuyên sâu trong lĩnh vực này.

Chỉ có 25,6% đơn vị đánh giá nhân lực hiện tại là đủ, cho thấy việc tuyển dụng, đào tạo và bổ sung nguồn nhân lực cho Y học TDTT vẫn là vấn đề cấp thiết. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, các đơn vị cần có chính sách thu hút và đào tạo chuyên sâu hơn, đồng thời tối ưu hóa việc phân bổ nhân sự để đảm bảo đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu công việc thực tế.

3. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát thực tiễn tại 43 đơn vị cho thấy nguồn nhân lực Y học Thể dục Thể thao (TDTT) ở Việt Nam hiện đang đối mặt với nhiều hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Đội ngũ nhân sự còn thiếu hụt, phân bổ không đồng đều giữa các đơn

vị, trong đó tỷ lệ nhân sự được đào tạo đúng chuyên ngành Y học TDTT chiếm tỷ lệ thấp. Phần lớn cán bộ đang làm việc theo hình thức đa nhiệm, chưa chuyên sâu, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hỗ trợ y tế trong thể thao.

Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn chưa được tổ chức thường xuyên và có hệ thống, dẫn đến tình trạng chênh lệch trong năng lực chuyên môn giữa các nhóm nhân sự. Mặc dù phần lớn đội ngũ có trình độ đáp ứng cơ bản yêu cầu công việc, nhưng tỷ lệ nhân sự được đánh giá “rất tốt” và có kinh nghiệm trên 10 năm vẫn còn hạn chế.

Những thực trạng trên đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực Y học TDTT mang tính lâu dài và bền vững. Cần chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo đúng chuyên ngành, tổ chức các khóa bồi



dưỡng định kỳ, khuyến khích chuyên môn hóa và đầu tư phát triển đội ngũ chuyên gia có trình độ cao. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng chăm

sóc sức khỏe, phục hồi chấn thương cho vận động viên mà còn góp phần phát triển lĩnh vực Y học TDTT theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và hội

nhập quốc tế. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 25/04/2025,
ngày phản biện đánh giá: 28/05/2025,
ngày chấp nhận đăng: 15/06/2025)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asif, I., Thornton, J., Carek, S., Miles, C., Nayak, M., Novak, M., ... Drezner, J. (2022). Exercise medicine and physical activity promotion: core curricula for US medical schools, residencies and sports medicine fellowships: developed by the American Medical Society for Sports Medicine and endorsed by the Canadian Academy of Sport and Exercise Medicine. *Br J Sports Med*, 56, bjsports-2021. doi:10.1136/bjsports-2021-104819.
2. Chang, C., Putukian, M., Aerni, G., Diamond, A., Hong, G., Ingram, M., ... Wolanin, A. (2019). Mental health issues and psychological factors in athletes: Detection, management, effect on performance and prevention: American Medical Society for Sports Medicine Position Statement-Executive Summary. *Br J Sports Med*, 54, bjsports-2019. doi:10.1136/bjsports-2019-101583.
3. Elmagd, M. A. (2020). The role of sports medicine in physical education. *International Journal of Physical Education, Sports Health*.
4. Achenbach, L. (2020). General Aspects of Sports Medicine. In W. Krutsch, H. O. Mayr, V. Musahl, F. Della Villa, P. M. Tscholl, & H. Jones (Eds.), *Injury and Health Risk Management in Sports: A Guide to Decision Making* (pp. 63-65). Berlin, Heidelberg: Springer Berlin Heidelberg.
5. Olney, R., & McMillan, S. (2015). *Sports Medicine - Open. Sports Medicine - Open*, 1. doi:DOI 10.1186/s40798-014-0001-9.
6. Imai, K., & Fukui, N. (2017). The role of sports medicine for athletes -protection of the athletes' lifetime healthcare. *Japanese Journal of Physical Fitness Sports Medicine - Open*, 66, 323-333.
7. Joy, E., Blair, S. N., McBride, P., & Sallis, R. (2013). Physical activity counselling in sports medicine: a call to action. *British Journal of Sports Medicine*, 47(1), 49-53. doi:10.1136/bjsports-2012-091620.
8. Bahr, R., & Engebretsen, L. (2011). *Handbook of Sports Medicine and Science: Sports Injury Prevention*: Wiley.
9. Batt, M. E., & Maryon-Davis, A. (2007). Sport and exercise medicine: a timely specialty development. *Clin J Sport Med*, 17(2), 85-86. doi:10.1097/JSM.0b013e318031c1a5.